

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 21.3.2023**

---

**KHỞI TỪ TƯ NIỆM**  
**Kinh Tư Niệm II (Dutiyacetanāsuttam)**

**Tập II – Thiên Nhân Duyên**

**Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - Phẩm Kalārakhattiya (S. ii, 66)**

*Tư niệm – cetanā – là chủ tâm tạo tác. Thường được biết là ý niệm hay khởi niệm. Đức Phật dạy đó chính là nghiệp trong ý nghĩa uyên nguyên nhất. Tư niệm thể hiện qua sở hành để rồi từ đó tạo nên dây chuyền năng sở của dòng sinh tử. Mặc dù thuộc tánh tư (cetanā cetasika) có mặt trong tất cả tâm nhưng chỉ có thuộc tánh tư trong các tâm thiện hiệp thể hay bất thiện mới tạo quả dị thục. Và theo duyên khởi thì tất cả tâm tạo quả dị thục đều bị chi phối bởi “khuyh hướng tiềm ẩn” là vô minh và ái. Còn tạo tác là còn bị hai thức tiềm miên đó chi phối. Và có nghĩa là còn sanh tử. Những gì được tạo thành do tác động của vô minh và ái đều bất toàn và đầy hệ lụy. Điều này không thể lãnh hội đơn giản nếu không nhận rõ tác động dây chuyền.*



**Kinh Văn**

**Sāvattiyam viharati...pe... “yañca, bhikkhave, ceteti yañca pakappeti yañca anuseti, ārammaṇametam hoti viññāṇassa ʈhitiyā. Ārammaṇe sati patiṭṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patiṭṭhite viññāṇe virūlḥe nāmarūpassa avakkanti hoti. Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam; saḷāyatanapaccayā phasso; phassapaccayā vedanā...pe... taṇhā... upādānam... bhavo... jāti... jarāmaṇam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”.**

Ngự ở Sāvatti.

-- Đây chư Tỳ Khuru, cái gì một người tư niệm, tư lường, và có bất cứ khuyh hướng tiềm ẩn nào thì cái đó trở thành cơ sở cho thức trú. Khi có cơ sở thì thức được thiết lập. Khi thức thiết lập thì danh sắc hạ sanh. Với danh sắc là duyên, xúc hiện khởi.

Với xúc... Với thọ.... Với ái... Với thủ... Với hữu ... Với sanh làm duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

**“No ce, bhikkhave, ceteti no ce pakappeti, atha ce anuseti, ārammaṇametam hoti viññāṇassa t̥hitiyā. Ārammaṇe sati patit̥thā viññāṇassa hoti. Tasmim̥ patit̥thite viññāṇe virūl̥he nāmarūpassa avakkanti hoti. Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam̥...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.**

-- Đây chư Tỳ Khuru, một người không có tư niệm, không có tư lường, và nhưng có bất cứ khuynh hướng tiềm ẩn nào thì cái đó trở thành cơ sở cho thức trú. Khi có cơ sở thì thức được thiết lập. Khi thức thiết lập thì danh sắc hạ sanh. Với danh sắc là duyên, xúc hiện khởi. Với xúc... Với thọ.... Với ái... Với thủ... Với hữu ... Với sanh làm duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

**“Yato ca kho, bhikkhave, no ceva ceteti no ca pakappeti no ca anuseti, ārammaṇametam na hoti viññāṇassa t̥hitiyā. Ārammaṇe asati patit̥thā viññāṇassa na hoti. Tadappatit̥thite viññāṇe avirūl̥he nāmarūpassa avakkanti na hoti. Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”**ti. Navamaṇ.

-- Đây chư Tỳ Khuru, một người không có tư niệm, không có tư lường, và không có bất cứ khuynh hướng tiềm ẩn nào thì không có cơ sở cho thức trú. Không có cơ sở thì thức không được thiết lập. Khi thức không thiết lập thì danh sắc không hạ sanh. Với danh sắc chấm dứt, xúc chấm dứt. Với xúc... Với thọ.... Với ái... Với thủ... Với hữu ... Với sanh chấm dứt, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai chấm dứt. Như vậy là sự chấm dứt của toàn bộ khổ uẩn này.

## **Chú Thích**

*Bài kinh này, nói một cách tổng quát, thì ý nghĩa tương tự như bài kinh trước và cũng gần giống bài kinh sau chỉ có điều là từ tư niệm đến già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai được nêu rõ từng phần của duyên khởi như hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập.*

*Sự tuyên thuyết duyên khởi trong pháp thoại này của Đức Phật cho thấy duyên khởi có thể đề cập từ bất cứ mắt xích nào dù là già chết hay ái hoặc xúc... Ngay cả một chủng tử trong hành là tư niệm (cetana). Đó là cách nói cái hỗn độn một thứ lớp (being chaotic orderly). Thực tại là vậy. Sự minh họa thực tại cũng vậy. Nếu hiểu duyên khởi chỉ có một khởi đầu và cứ thế sanh khởi một cách thứ lớp trật tự thì giống*

*như quan niệm một trận đánh đấm diễn ra theo thứ tự của một bài quyền. Nhưng không phải vì vậy mà không nói về những tác động trực tiếp của từng duyên sinh.*

*Chỉ avakkanti trong câu nāmarūpassa avakkanti hoti được dịch là hạ sinh mang hàm nghĩa nói đến danh sắc là nói đến chủng loại của chúng sanh. Sanh làm chư thiên, nhân loại, bàng sinh ... dù có mắt, tai, mũi, lưỡi ... nhưng các giác quan không giống nhau do ở chủng loại (These aggregates are also conditioned by the nature of the particular plane of existence, depending on birth say as a human being, an animal, or a celestial being. Buddhadhamma, Payutto p. 332). Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập là những máu chốt thường không được hiểu chính xác.*

*Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch*

## **9. Dutiyacetanāsuttaṃ**

**39.** Sāvattṭhiyaṃ viharati...pe... “yañca, bhikkhave, ceteti yañca pakappeti yañca anuseti, ārammaṇametam hoti viññāṇassa tṭhiyā. Ārammaṇe sati patitṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patitṭhite viññāṇe virūlḥe nāmarūpassa avakkanti hoti. Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam; saḷāyatanapaccayā phasso; phassapaccayā vedanā...pe... taṇhā... upādānam... bhavo... jāti... jarāmaraṇam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”.

“No ce, bhikkhave, ceteti no ce pakappeti, atha ce anuseti, ārammaṇametam hoti viññāṇassa tṭhiyā. Ārammaṇe sati patitṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patitṭhite viññāṇe virūlḥe nāmarūpassa avakkanti hoti. Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

“Yato ca kho, bhikkhave, no ceva ceteti no ca pakappeti no ca anuseti, ārammaṇametam na hoti viññāṇassa tṭhiyā. Ārammaṇe asati patitṭhā viññāṇassa na hoti. Tadappatitṭhite viññāṇe avirūlḥe nāmarūpassa avakkanti na hoti. Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”’ti. Navamaṃ.

## **9. Dutiyacetanāsuttavaṇṇanā**

**39.** Navame viññāṇanāmarūpānam antare eko sandhi, vedanātaṇhānamantare eko, bhavajātīnamantare ekoti. Navamaṃ.